

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu: Cung cấp dịch vụ vệ sinh công nghiệp cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 66/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Báo cáo số 80/BC-STC ngày 14/4/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Cung cấp dịch vụ vệ sinh công nghiệp cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang năm 2022 với các nội dung sau:

I. Dự toán kinh phí: 4.889.454.542đ (Bốn tỷ, tám trăm tám mươi chín triệu, bốn trăm năm mươi bốn nghìn, năm trăm bốn mươi hai đồng).

(Danh mục, dự toán chi tiết theo biểu 01 đính kèm)

II. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

(Chi tiết theo biểu 02 đính kèm)

Điều 2. Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang có trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Y tế, KBNN tỉnh, Bệnh viện Đa khoa tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
- + LĐVP, TPKTTH, TH;
- + Lưu: VT, KTTH.Hài.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Thế Tuấn

DANH MỤC, SỐ LƯỢNG, DỰ TOÁN KINH PHÍ MUA SẴM
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. DANH MỤC, DỰ TOÁN:

| STT | Danh mục dịch vụ phi tư vấn | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) |
|-------------------------|--|-------|----------|---------------|----------------------|
| 1 | Cung cấp dịch vụ vệ sinh công nghiệp năm 2022 cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang | Tháng | 12 | 407.454.545 | 4.889.454.542 |
| Dự toán kinh phí | | | | | 4.889.454.542 |

Ghi chú: Mức giá trên đã bao gồm thuế GTGT và các chi phí liên quan khác

II. MÔ TẢ CHI TIẾT CÔNG VIỆC**1. NHÂN LỰC VÀ THỜI GIAN**

| STT | Vị trí | ĐVT | Số lượng nhân viên vệ sinh | Thời gian làm việc |
|-----|---|-------|----------------------------|---|
| 1 | Nhà 9 tầng bao gồm khoa Ngoại thần kinh, Ngoại Chấn thương, Ngoại Tổng hợp, Ngoại Thận tiết niệu - Nam học, Ngoại Tiêu hóa, Phẫu thuật gây mê hồi sức, Hồi sức tích cực chống độc, Chẩn đoán hình ảnh | Người | 15 | Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc, khu vực phòng mổ bố trí người trực 24h/24h, các khoa còn lại mỗi khoa 1 người làm 8 giờ/ngày theo giờ hành chính, 2 người chuyên dọn khu vực thang máy, sảnh chờ 9 tầng. |
| 2 | Nhà 5 tầng bao gồm khoa Cấp cứu, Khám bệnh, Thăm dò chức năng, Giải phẫu bệnh, Sinh hóa, Huyết học, Vi sinh, các bộ phận thanh toán, giám định BHYT | Người | 7 | Khoa Cấp cứu bố trí người trực 24h/24h, các khoa còn lại làm 8 giờ/ngày theo giờ hành chính. |
| 3 | Nhà khoa Phụ sản, CNTT | Người | 3 | Bố trí trực 24h/24h |
| 4 | Nhà 3 tầng khoa Nhi, phòng chụp cắt lớp vi tính 64 dãy, phòng chụp Xquang. | Người | 3 | 8 giờ/ngày/người |
| 5 | Nhà 3 tầng khoa truyền nhiễm (khoa da liễu cũ) | Người | 2 | 8 giờ/ngày/người |
| 6 | Nhà 5 tầng Khu nhà khoa Truyền nhiễm | Người | 3 | 8 giờ/ngày/người |
| 7 | Nhà 3 tầng truyền nhiễm (khoa Nhi cũ) | Người | 1 | 8 giờ/ngày/người |
| | Nhà khoa Dinh dưỡng, nhà xe, | Người | 1 | 8 giờ/ngày/người |

| | | | | |
|----|--|-------|----|--|
| 8 | nhà đại thể | | | |
| 9 | Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn; Khu vực Trạm xử lý nước thải; Bộ phận cho mượn đồ vải; Bộ phận thu rác tái chế; Khu vực thu gom rác thải. | Người | 1 | 8 giờ/ngày/người |
| 10 | Khu điều trị Ngoại trú | Người | 1 | 8 giờ/ngày/người |
| 11 | Khoa Khám chữa bệnh theo yêu cầu (bao gồm 2 khối nhà 3 tầng) | Người | 3 | 8 giờ/ngày/người |
| 12 | Khu nhà khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng, Mắt, Y học cổ truyền, các phòng Điều Dưỡng, Chỉ đạo tuyến, Quản lý chất lượng bệnh viện | Người | 3 | 8 giờ/ngày/người |
| 13 | Nhà 6 tầng Khoa Nội Thận | Người | 4 | 3 người làm ca, 1 người làm 8 giờ/ngày theo giờ hành chính |
| 14 | Nhà Trung tâm bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ, Trung tâm Giám định Y khoa | Người | 2 | 8 giờ/ngày/người |
| 15 | Vệ sinh ngoại cảnh | Người | 6 | 8 giờ/ngày/người |
| 16 | Vệ sinh thang máy các khối nhà | Người | 1 | 8 giờ/ngày/người |
| 17 | Công nhân vệ sinh cơ động (Làm các công việc trên cao, làm quạt, làm các công việc trên 3m) | Người | 2 | 8 giờ/ngày/người |
| 18 | Khu nhà 15 tầng gồm văn thư, nhà thuốc, canteen, khu can thiệp mạch; Khoa dược, vật tư TBYT; Khoa nội tim mạch; Khoa ngoại lồng ngực, chỉnh hình, bỏng; Khoa nội thần kinh cơ xương khớp; Khoa nội tiêu hóa; Khoa nội tổng hợp; Khoa Lão học; Khoa tai mũi họng, răng hàm mặt; Khoa nội hô hấp; Khoa VLTL, phục hồi chức năng, da liễu; Khối Nội cán bộ; KHTH, QLCLCB, CĐT, HCQT, TCCB, TCXH, TCKT; Giám định bảo hiểm, điều dưỡng, Ban Giám đốc; CNTT, phòng giao ban, phòng Giám đốc, hội trường | Người | 21 | Khoa Nội tim mạch 2 người, các khoa còn lại mỗi khoa 1 người làm 8 giờ/ngày theo giờ hành chính, 1 nhân viên vệ sinh thang máy, 1 nhân viên vệ sinh cầu thang bộ và sảnh chờ các tầng, 1 nhân viên chà sàn, 1 nhân viên làm công việc trên cao |

| | | | | |
|--------------|----------|-------|-----------|------------------|
| 19 | Giám sát | Người | 1 | 8 giờ/ngày/người |
| Cộng: | | | 80 | |

2. CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

| Vị trí vệ sinh | Nội dung yêu cầu |
|--|--|
| 1. Lối vào và hành lang, cầu thang bộ | |
| 1.1. Bề mặt cửa/Khung cửa | Không có bụi và vết bẩn |
| 1.2. Sàn | - Sàn nhẵn không có bụi và vết bẩn |
| | - Vết bẩn nhám không xuất hiện trên mặt sàn |
| | - Sàn được phủ bằng hàng dệt may, tấm nilon không được có vết bẩn nhìn thấy được bằng mắt thường. |
| 1.3. Tường/Vách ngăn | - Không có bụi và vết bẩn |
| | - Khung cửa vách ngăn dựng lên không có bụi và vết bẩn |
| 1.4. Kính/Cửa sổ | Luôn sạch sẽ, không có vết bẩn, bụi bám. |
| 1.5. Thiết bị/Nội thất | Luôn sạch sẽ, không có vết bẩn, bụi bám. |
| 1.6. Công tắc/Bảng chỉ dẫn | Luôn sạch sẽ, không có vết bẩn, bụi bám. |
| 1.7. Lan can | Luôn sạch sẽ, không có vết bẩn, bụi bám. |
| 1.8. Cuộn dây vòi cứu hỏa/Bình cứu hỏa | Luôn sạch sẽ, không có vết bẩn, bụi bám. |
| 2. Nhà vệ sinh | |
| 3.1. Bề mặt cửa/Khung cửa | Không có bụi và vết bẩn |
| 3.2. Sàn (bao gồm cả nắp thoát nước) | Không có bụi, bùn đất và vết bẩn |
| 3.3. Vách ngăn/Tường | - Không có bụi và vết bẩn |
| | - Khung cửa vách ngăn dựng lên không có bụi và vết bẩn |
| 3.4. Bảng kính/Cửa sổ | - Không có bụi và vết bẩn |
| 3.5. Gương | - Không có bụi và vết bẩn |
| 3.6. Thiết bị/Nội thất | - Không có bụi và vết bẩn |
| 3.7. Công tắc/Ổ điện/Bảng chỉ dẫn | - Không có bụi và vết bẩn |
| 3.8. Chậu rửa tay/ Bàn chậu | - Không có bụi và vết bẩn |
| | - Vòi nước không có vết bẩn |
| | - Không có tóc và rác trên lưới lọc trong lỗ thoát nước |
| 3.9. Bồn cầu | - Lòng bồn cầu không có vết bẩn |
| | - Không có mùi hôi |
| | - Không xuất hiện cặn đá vôi |
| | - Bên ngoài bồn cầu không có bụi và vết bẩn |
| 3.10. Nắp bồn cầu | Cả mặt trên và mặt dưới nắp bồn cầu không có bụi và vết bẩn |
| 3.11. Thiết bị xả nước | - Cần gạt của thiết bị xả nước, bể nước gắn thấp và ống thoát nước của bồn cầu hoặc tiêu nam không có bụi và vết bẩn |
| | - Các phần còn lại của hệ thống (như bể nước gắn cao) phải sạch sẽ không có vết bẩn hoặc bụi. |

| | |
|---|---|
| 3.12. Phòng tắm: | - Tất cả 3 thành phần trên không có bụi và vết bẩn; |
| Thiết bị vòi tắm | - Không có tóc hoặc rác trên khe thoát nước. |
| Sàn phòng tắm, bao gồm cả khe thoát nước | |
| Tường phòng tắm | |
| 3.13. Hộp đựng giấy vệ sinh | - Không có bụi và vết bẩn |
| 3.14. Nơi treo giấy vệ sinh | - Không có bụi và vết bẩn |
| 3.15. Thùng rác | - Không có rác bừa bãi trên nền nhà |
| | - Thùng rác được thay túi rác hàng ngày. |
| | - Bên ngoài thùng rác được cọ rửa thường xuyên. |
| 4. Thang máy | |
| 4.1. Sàn/Tường/Cửa | - Sàn không có bụi |
| | - Các vách bên trong thùng thang và bảng điều khiển không có bụi và vết bẩn |
| 4.3. Góc thang và đèn | - Không có bụi |
| 4.4. Ray trượt cửa thang máy | - Không có các mảnh vụn |
| 5. Các phòng làm việc, buồng bệnh, buồng khám, buồng thủ thuật | |
| 5.1. Bề mặt cửa/Khung cửa | - Không có bụi và vết bẩn |
| 5.2. Sàn | - Sàn nhẵn không có bụi và vết bẩn, vết máu... |
| | - Vết bẩn nhám không xuất hiện trên mặt sàn |
| | - Sàn được phủ bằng hàng dệt may, tấm nilon không được có vết bẩn nhìn thấy được bằng mắt thường. |
| 5.3. Tường/Vách ngăn/Trần nhà | - Không có bụi, vết bẩn, mạng nhện |
| | - Khung cửa vách ngăn dựng lên không có bụi và vết bẩn |
| 5.4. Kính/Cửa sổ | - Không có bụi và vết bẩn |
| 5.5. Thiết bị/Nội thất | - Không có bụi và vết bẩn |
| 5.6. Công tắc/Bảng chỉ dẫn | - Không có bụi và vết bẩn |
| 5.7. Cuộn dây vòi cứu hỏa/Bình cứu hỏa | - Không có bụi và vết bẩn |
| 5.8. Thùng đựng giấy rác | - Không có rác bừa bãi trên nền nhà |
| | - Thùng rác được thay rửa thường xuyên. |
| | - Bên ngoài nắp thùng không có bụi và vết bẩn. |
| 6. Trần nhà | |
| 6.1. Thiết bị chiếu sáng | - Không có bụi, vết bẩn, mạng nhện |
| 6.2. Lỗ thông hơi | - Không có bụi, vết bẩn, mạng nhện |
| 6.3. Tấm trần/quạt trần | - Không có bụi, mạng nhện |
| 6.4. Ống dẫn | - Không có bụi |
| 7. Chậu cây, bồn cây | |
| | - Không có đầu mẫu thuốc lá |
| | - Không có rác và mảnh vụn |
| | - Định kỳ tia bốt cành cây. |
| 8. Mặt tiền bên ngoài | |
| 8.1. Tường | - Không có chất bẩn không làm sạch được |
| 8.2. Bề mặt kính | - Không có dấu vân tay |

| | |
|--|--|
| | - Không có hơi nước |
| | - Không có chất bẩn không làm sạch được |
| 9. Mái nhà | |
| 9.1. Bề mặt mái nhà | - Không có cát, rác, mảnh vụn |
| 9.2. Lối thoát nước mưa | - Không có cát, rác, mảnh vụn |
| 9.3. Rãnh nước | - Không có cát, rác, mảnh vụn |
| 10. Khu vực đường đi, bãi đậu xe, sân | - Không có cát, rác, mảnh vụn |
| 11. Khu vực ngoại cảnh | - Không có rác |
| | - Không có lá và cành khô |
| 12. Đường thoát nước | - Không có cát, đất, rác |
| 13. Khu vực tập kết rác | - Sắp xếp gọn gàng khi tập kết rác |
| | - Không có rác và mảnh vụn rơi vãi |
| | - Không có vết bẩn và chất thải rắn trên tường |
| | - Không có mùi hôi |
| 14. Thùng rác công cộng. | - Không có mùi hôi |
| | - Hàng ngày phải thu gom rác trong thùng đưa về nơi tập kết. Không để rác đầy quá ½ thùng. |
| | - Không có vết bẩn ngoài thùng |

3. KẾ HOẠCH CÔNG VIỆC

| Kế hoạch làm việc | Thời gian thực hiện | | | |
|--|---------------------|-----------|------------|----------|
| | Hàng ngày | Hàng tuần | Hàng tháng | Hàng quý |
| 1. Khu vực sảnh, hàng lang, khu vệ sinh các khoa, phòng | | | | |
| a. Khu vực hành lang, tiền sảnh các khoa, phòng | | | | |
| - Quét mạng nhện | | | X | |
| - Lau đèn chiếu sáng, đèn bảo vệ. | | | X | |
| - Lau ghế chờ ngoài hành lang. | X | | | |
| - Làm sạch các vách tường: chữ viết, keo dán, giấy thông báo... | X | | | |
| - Lau kính hành lang cả mặt trong và mặt ngoài. | | X | | |
| - Lau cửa chính, cửa sổ chớp và các kệ cửa sổ | | X | | |
| - Lau các biển báo, biển hướng dẫn, hộp thư, hộp chứa bình chữa cháy, bảng công tắc đèn. | | X | | |
| - Tẩy vết kẹo cao su bám kết trên sàn nhà. | X | | | |
| - Lau lan can hành lang. | | X | | |
| - Pha hoá chất chuyên dụng theo đúng tỷ lệ và tiến hành lau sàn bằng cây lau ướt. | X | | | |
| - Lau sàn bằng cây lau khô đảm bảo thường xuyên sạch sẽ. | X | | | |
| - Thu gom và vận chuyển rác đến nơi quy định. | X | | | |
| - Làm sạch sàn bằng máy chuyên dụng | | | | X |
| - Luôn luôn kiểm tra làm sạch ngay khi thấy vết bẩn. | X | | | |
| b. Làm sạch cầu thang bộ, thang máy | | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| - Quét mạng nhện | | | X | |
| - Lau đèn chiếu sáng, đèn bảo vệ, bảng điện. | | | X | |
| - Làm sạch các vách tường: chữ viết, keo dán, giấy thông báo... | | X | | |
| -Làm sạch kính cầu thang | | X | | |
| - Lau các biển báo, biển hướng dẫn, hộp thư, hộp chứa bình chữa cháy, bảng công tắc đèn . | | X | | |
| - Tẩy vết keo cao su bám kết trên sàn nhà. | X | | | |
| - Làm sạch các ô thoáng dọc hành lang, lan can, tay vịn cầu thang | | X | | |
| - Pha hoá chất chuyên dụng theo đúng tỷ lệ và tiến hành lau sàn bằng cây lau ướt. | X | | | |
| - Lau sàn bằng cây lau khô. | X | | | |
| - Thu gom và vận chuyển rác đến nơi quy định. | X | | | |
| - Làm sạch sàn bằng máy chuyên dụng | | | | X |
| - Luôn luôn kiểm tra làm sạch ngay khi thấy vết bẩn. | X | | | |
| c. Khu nhà vệ sinh | | | | |
| - Đảm bảo luôn sạch và không có mùi hôi, khai, không bị tắc. | X | | | |
| - Quét mạng nhện | | | X | |
| - Lau trần | | X | | |
| - Làm sạch kết nước | | | X | |
| - Lau hệ thống đèn và các thiết bị vệ sinh | X | | | |
| - Lau hệ thống cửa ra vào, cửa sổ. | | X | | |
| - Lau khô các đồ đạc, thiết bị sau khi làm sạch. | X | | | |
| - Cọ thùng rác, thay túi đựng rác | X | | | |
| - Khử mùi, tiệt trùng, diệt khuẩn | X | | | |
| - Thường xuyên kiểm tra dội nước hoặc xử lý các vết bẩn phát sinh. | X | | | |
| - Thu gom và vận chuyển rác đến nơi quy định. | X | | | |
| - Làm sạch sàn bằng máy chuyên dụng | | | | X |
| - Luôn luôn kiểm tra làm sạch ngay khi thấy vết bẩn. | X | | | |
| 2. Khu vực các phòng chức năng: (Khu hành chính, phòng trưởng phòng, trưởng khoa, phòng Điều dưỡng trưởng, phòng họp, phòng đợi, và các phòng chức năng khác. . .) | | | | |
| - Quét mạng nhện | | | X | |
| - Lau hệ thống đèn chiếu sáng, quạt, điều hòa nhiệt độ | | | X | |
| - Làm sạch các vách tường: chữ viết, keo dán, giấy thông báo... | X | | | |
| - Làm sạch bồn rửa tay. | X | | | |
| - Làm sạch nhà vệ sinh, không có mùi hôi, khai, không bị tắc. | X | | | |
| - Lau kính hành lang cả mặt trong và mặt ngoài | X | | | |
| - Lau cửa chính, cửa sổ chớp và các kệ cửa sổ | X | | | |
| - Làm sạch bảng công tắc đèn | | X | | |
| - Tẩy vết keo cao su bám kết trên sàn nhà. | X | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| - Lau lan can hành lang. | X | | | |
| - Pha hoá chất chuyên dụng theo đúng tỷ lệ và tiến hành lau sàn bằng cây lau ướt. | X | | | |
| - Lau sàn bằng cây lau khô. | X | | | |
| - Cọ thùng rác, thay túi đựng rác | X | | | |
| - Thu gom và vận chuyển rác đến nơi quy định. | X | | | |
| - Lau khô thiết bị văn phòng sau khi làm sạch. | X | | | |
| - Làm sạch sàn bằng máy chuyên dụng | | | | X |
| - Khử mùi, tiệt trùng, diệt khuẩn | X | | | |
| - Luôn luôn kiểm tra làm sạch ngay khi thấy vết bẩn. | X | | | |
| 3. Khu vực các khoa, phòng chuyên môn | | | | |
| - Quét mạng nhện | | | X | |
| - Lau hệ thống đèn chiếu sáng, quạt, điều hòa nhiệt độ | | | X | |
| - Làm sạch các vách tường: chữ viết, keo dán, giấy thông báo... | | X | | |
| - Làm sạch bồn rửa tay. | X | | | |
| - Làm sạch nhà vệ sinh, không có mùi hôi, khai, không bị tắc. | X | | | |
| - Lau kính hành lang cả mặt trong và mặt ngoài | | X | | |
| - Lau cửa chính, cửa sổ chớp và các kệ cửa sổ | | X | | |
| - Làm sạch bảng công tắc đèn | | X | | |
| - Tẩy vết keo cao su bám kết trên sàn nhà. | | X | | |
| - Lau lan can hành lang. | X | | | |
| - Pha hoá chất chuyên dụng theo đúng tỷ lệ và tiến hành lau sàn bằng cây lau ướt. | X | | | |
| - Lau sàn bằng cây lau khô. | X | | | |
| - Cọ thùng rác, thay túi đựng rác | X | | | |
| - Thu gom và vận chuyển rác đến nơi quy định. | X | | | |
| - Lau khô thiết bị văn phòng sau khi làm sạch. | X | | | |
| - Làm sạch sàn bằng máy chuyên dụng | | | | X |
| - Khử mùi, tiệt trùng, diệt khuẩn | X | | | |
| - Luôn luôn kiểm tra làm sạch ngay khi thấy vết bẩn. | X | | | |
| 4. Khu vực các buồng bệnh | | | | |
| - Quét mạng nhện | | | X | |
| - Lau hệ thống đèn chiếu sáng, quạt, điều hòa nhiệt độ | | | X | |
| - Làm sạch bồn rửa tay. | X | | | |
| - Làm sạch nhà vệ sinh, không có mùi hôi, khai, không bị tắc. | X | | | |
| - Làm sạch giường bệnh nhân | | X | | |
| - Làm sạch tủ đựng đồ của bệnh nhân | X | | | |
| - Lau cửa chính, cửa sổ chớp và các kệ cửa sổ | | X | | |
| - Làm sạch bảng công tắc đèn | | X | | |
| - Tẩy vết keo cao su bám kết trên sàn nhà. | | X | | |
| - Pha hoá chất chuyên dụng theo đúng tỷ lệ và tiến hành lau | X | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| sàn bằng cây lau ước. | | | | |
| - Lau sàn bằng cây lau khô. | X | | | |
| - Cọ thùng rác, thay túi đựng rác | X | | | |
| - Thu gom và vận chuyển rác đến nơi quy định. | X | | | |
| - Lau khô thiết bị văn phòng sau khi làm sạch. | X | | | |
| - Làm sạch sàn bằng máy chuyên dụng | | | | X |
| 5. Khu vực khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức, Hồi sức tích cực chống độc, khoa Cấp cứu | | | | |
| - Đảm bảo đúng ca trực, giờ trực | X | | | |
| - Quét mạng nhện | | | X | |
| - Lau hệ thống đèn chiếu sáng, quạt, điều hòa nhiệt độ | | | X | |
| - Làm sạch các vách tường: chữ viết, keo dán, giấy thông báo... | | X | | |
| - Làm sạch bồn rửa tay. | X | | | |
| - Làm sạch nhà vệ sinh, không có mùi hôi, khai, không bị tắc. | X | | | |
| - Lau kính hành lang cả mặt trong và mặt ngoài | | X | | |
| - Lau cửa chính, cửa sổ chớp và các kệ cửa sổ | | X | | |
| - Làm sạch bảng công tắc đèn | | X | | |
| - Tẩy vết kẹo cao su bám kết trên sàn nhà. | | X | | |
| - Lau lan can hành lang. | X | | | |
| - Pha hoá chất chuyên dụng theo đúng tỷ lệ và tiến hành lau sàn bằng cây lau ước. | X | | | |
| - Lau sàn bằng cây lau khô. | X | | | |
| - Cọ thùng rác, thay túi đựng rác | X | | | |
| - Thu gom và vận chuyển rác đến nơi quy định. | X | | | |
| - Lau khô thiết bị văn phòng sau khi làm sạch. | X | | | |
| - Làm sạch sàn bằng máy chuyên dụng | | | | X |
| - Khử mùi, tiệt trùng, diệt khuẩn | X | | | |
| - Luôn luôn kiểm tra làm sạch ngay khi thấy vết bẩn. | X | | | |
| 6 . Khu vực ngoại cảnh: | | | | |
| - Quét toàn bộ khu vực lối đi và sân vườn toàn viện | X | | | |
| - Vệ sinh khu vực bảo vệ | X | | | |
| - Vệ sinh bồn cây cảnh | | | X | |
| - Tưới cây, chăm sóc cây | X | | | |
| - Vệ sinh thùng rác | X | | | |
| - Thường xuyên khơi thông cống rãnh hoặc khi trời mưa. | | | X | |
| - Thu gom và vận chuyển rác đến nơi quy định. | X | | | |
| -Làm sạch kính mặt ngoài khu nhà 5 tầng | | | X | |
| - Tổng vệ sinh chung | | | X | |

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| STT | Tên gói thầu | Giá gói thầu (VNĐ) | Nguồn vốn | Hình thức LCNT | Phương thức LCNT | Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT | Loại hợp đồng | Thời gian thực hiện hợp đồng |
|-----|--|--------------------|---|----------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------|--|
| 1 | Cung cấp dịch vụ vệ sinh công nghiệp cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang năm 2022 | 4.889.454.542 | Quỹ Bảo hiểm y tế và các nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị | Đấu thầu rộng rãi qua mạng | Một giai đoạn, một túi hồ sơ | Tháng 4/2022 | Hợp đồng trọn gói | 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |